

Số: **89** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017
của huyện Lý Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 10/06/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Lý Sơn;

Xét đề nghị của UBND huyện Lý Sơn tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 11/01/2017 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lý Sơn và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 16/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lý Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Lý Sơn, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (*chi tiết Biểu 01 kèm theo*).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2017 (chi tiết Biểu 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 (chi tiết Biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2017 (chi tiết Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất.

Tổng danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2017 là 27 công trình, dự án với tổng diện tích 43,87 ha; trong đó:

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2015 chuyển sang năm 2016 nay chuyển tiếp sang năm 2017 là 02 công trình với tổng diện tích 8,16 ha.

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 02 công trình với tổng diện tích 11,04 ha.

(Có phụ biểu 02 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2017 là 08 công trình với tổng diện tích 18,45 ha.

(Có phụ biểu 03 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (Thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi) năm 2017 gồm có: 15 công trình, dự án với tổng diện tích là 6,22 ha.

(Có phụ biểu 09 kèm theo)

6. Danh mục loại bỏ các công trình, dự án không thực hiện.

Danh mục loại bỏ các công trình, dự án năm 2016 không tiếp tục thực hiện trong năm 2017 không thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, có 01 công trình, dự án với diện tích là 0,25 ha.

(Có phụ biểu 10 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND huyện Lý Sơn có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất và công bố hủy bỏ các công trình, dự án không triển khai thực hiện trong năm kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: Phù hợp với

quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh mới công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), các Phòng nghiên cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak74.



Đặng Văn Minh

PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH

(Kèm theo Quyết định của UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiết loại đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)		(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		1.039,85	69,04	511,25	459,56
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	628,21	47,00	331,06	250,15
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC				
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK				
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	LUN				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	432,10	27,17	228,57	176,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	43,06	2,56	34,56	5,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	132,92	17,27	47,80	67,85
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	20,13		20,13	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	273,47	6,70	134,54	132,23
2.1	Đất quốc phòng	CQP	37,59	0,55	30,06	6,98
2.2	Đất an ninh	CAN	0,90		0,25	0,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	5,95		3,67	2,28
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,50		3,50	
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	115,50	3,64	56,09	55,77
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	81,56	2,10	34,48	44,98
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	20,08	0,67	16,37	3,04
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	0,80	0,30	0,33	0,17
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	0,15	0,03	0,02	0,10
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH	1,59		1,40	0,19
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT	1,17	0,10	0,07	1,00
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD	7,89	0,24	2,36	5,29
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	0,99	0,05	0,51	0,43
	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	DKH				
	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	DXH				
	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	DSK				
	<i>Đất công trình công cộng khác</i>	DCK	0,15	0,15		
	<i>Đất chợ</i>	DCH	1,12		0,55	0,57
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,50		0,95	0,55
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,76		1,54	3,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	71,53	1,53	30,98	39,02
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	3,01	0,20	0,16	2,65
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,30		0,37	0,93
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,53		0,90	0,63
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,44	0,65	4,54	17,25
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,56	0,05	0,37	0,14
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,27			0,27
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,09	0,08	1,14	1,87
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,04		0,02	0,02
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	138,17	15,34	45,65	77,18
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN				
5	Đất khu kinh tế*	KKT				
6	Đất đô thị*	KDT				

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2017

HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiết	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)		(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	148,63	16,52	56,93	75,18
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC				
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK				
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	LUN				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12,69	0,45	4,96	7,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,20		0,17	0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	135,74	16,07	51,80	67,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	2,77		1,23	1,54
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,05		0,02	0,03
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,52		0,82	0,70
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	0,87		0,20	0,67
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	0,61		0,59	0,02
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL				
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV				
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH				
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT				
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD	0,02		0,01	0,01
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT				
	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	DKH				
	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	DXH				
	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	DSK				
	<i>Đất công trình công cộng khác</i>	DCK				
	<i>Đất chợ</i>	DCH	0,02		0,02	
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,08		0,08	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,93		0,29	0,64
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,02		0,02	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,17			0,17
2.20	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK(a)				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Mã SDD	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	14,30	0,45	5,14	8,71
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	12,69	0,45	4,96	7,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,20		0,17	0,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1,41		0,01	1,40
1.7	Đất làm muối	LMU/PNN				
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		34,01		28,61	5,40
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN				
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất lâm nghiệp	LUA/LNP				
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS				
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU				
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS				
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU				
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)				
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)				
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)	34,01		28,61	5,40
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,23			0,23

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở.

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT VÀ SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2017
TRƯỜNG QUANG NGÃI HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định số 23 /01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	26,72	1,20	22,52	3,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC				
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK				
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	LUN				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	26,72	1,20	22,52	3,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	15,07	0,08	5,47	9,52
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,39		0,23	0,16
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,59		0,43	0,16
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	13,81	0,08	4,81	8,92
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	13,81	0,08	4,81	8,92
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL				
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL				
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV				
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH				
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT				
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD				
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT				
	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	DKH				
	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	DXH				
	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	DSK				
	<i>Đất công trình công cộng khác</i>	DCK				
	<i>Đất chợ</i>	DCH				
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,13			0,13
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,15			0,15
2.20	Đất phi nông nghiệp còn lại	PNK(a)				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

Phụ biểu 1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ THU HỒI ĐẤT NĂM 2015 CHUYỂN SANG NĂM 2016 NAY
CHUYỂN SANG NĂM 2017 CỦA HUYỆN LÝ SON

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Bản đồ số, thửa số, hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Đường trung tâm huyện đi An Hải	3,52	Xã An Hải + Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ: 18; 19, 20, 25, 26 (An Hải); Tờ bản đồ: 23, 24, 27 (An Vĩnh)	QĐ số: 1607/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Trung tâm huyện - UBND xã An Hải, huyện Lý Sơn	2.000	2.000						QĐ số: 1171/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND huyện Về việc phê duyệt phương án bồi thường Dự án Đường Trung tâm huyện Lý Sơn
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Côn An Vĩnh - Ra đa tâm xa huyện Lý Sơn	4,64	Xã An Hải + Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ: 9, 15, 16, 21, 22, 26, 27, 29, 30 (An Hải); Tờ bản đồ: 8, 9, 13; 14, 19, 20, 21, 22 (An Vĩnh)	QĐ số: 1606/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến Côn An Vĩnh - Ra đa tâm xa, huyện Lý Sơn	4.600	4.600						QĐ số: 1479/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND huyện Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Côn An Vĩnh - Ra đa tâm xa huyện Lý Sơn
Tổng		8,16				6.600	6.600	-					

www.ThuVienPhapLuat.vn
 Tel: +84-8-3930 527

Phụ biểu 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2016 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2017 CỦA HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (địa cấp xã)	Tờ bản đồ hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Đường cơ động phía đông nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	10,98	Xã An Hải + xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 4,5,2,3 xã An Vĩnh và tờ 1,2,4,5,11,12,19 xã An Hải	QĐ số: 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn III)	3.000	3.000						Đang lập thủ tục thông báo thu hồi đất
2	Nhà thờ Hội thánh Lý Sơn tại xã An Vĩnh	0,06	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 10	UBND tỉnh giới thiệu địa điểm để xây dựng công trình tại Công văn số 2816/UBND-NNTN ngày 03/6/2016								Vốn của dân tự góp
Tổng		11,04				3.000	3.000	-	-	-	-	-	

LawSoft
 Tel: +84-8-39308199 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ĐƠN ANH CỘNG HÒA VIỆT NAM, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN LÝ SON



Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa phương (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Cảng Bến Đình	3,67	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 21,22,23,27	QĐ số: 495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Bến Đình, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi								Đất UBND xã quản lý, không bồi thường.
2	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	2,50	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 17, 22 Xã An Vĩnh	QĐ số: 101/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính Phủ thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 - Quyết định số 5170/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn.	2.000	2.000						
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện giai đoạn 2	0,50	Xã An Hải + Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 27, 28 xã An Vĩnh và tờ 26, 27, 21, 29 xã An Hải	QĐ số: 1542/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung	1.000		1.000					Đất UBND xã quản lý, không bồi thường.
4	Nhà Văn hóa thôn xã An Bình	0,05	Xã An Bình	Tờ bản đồ số 4	QĐ số: 1398/QĐ-UBND ngày 26-10-2015 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Nhà văn hóa xã An Bình	1.000	1.000						

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.LawSoft.vn

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
5	Khu Nghĩa địa tập trung	4,55	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ: 12 xã An Vĩnh	QĐ số: 3232/UBND-NNTN ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án: Xây dựng khu nghĩa địa tập trung huyện đảo Lý Sơn	3.000		3.000			CV số: 5762/UBND-TH ngày 12/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v chỉ ý kiến đánh mục chuẩn bị đầu tư và giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2016	
6	Khu dân cư Hòn Vung	7,00	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 23	QĐ số: 212/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu trung tâm huyện Lý Sơn - tỉ lệ 1/2000	3.500			3.500			
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bãi Hang - Sũng Giếng	0,08	Xã An Bình	Tờ bản đồ số 1, 2	QĐ số: 101/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính Phủ thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 - QĐ số: 623/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND huyện Lý Sơn về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016	1.400	1.400				Đất UBND xã quản lý, không bồi thường.	
8	Trường Mầm non Cây Cám xã An Vĩnh	0,10	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 19	QĐ số: 2001/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND huyện Lý Sơn về việc bổ sung nguồn vốn dự phòng	200			200		Đất trường Tiểu học cũ chuyển sang trường Mầm non, không bồi thường	
Tổng cộng		18,45				12.100	4.400	4.000	3.700	-	-	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2017 KHÔNG THUỘC KHU VỰC 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CỦA HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định số .../UBND ngày 29/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

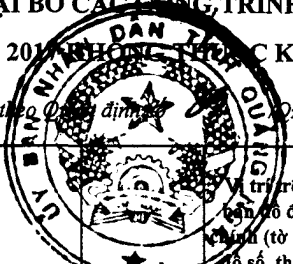
Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa phương (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trần địa phòng thủ biển đảo số 3	0,08	Xã An Hải									Công trình chuyên tiếp
2	Trần địa phòng thủ biển đảo số 4	0,15	Xã An Hải									Công trình chuyên tiếp
3	Trần địa Phòng thủ biển đảo số 3 Dinh Tam Toa	0,16	Xã An Hải + xã An Vĩnh									Công trình chuyên tiếp
4	Nhà máy điện và pin năng lượng mặt trời cấp điện cho xã An Bình	0,30	Xã An Bình	Tờ bản đồ số: 4	UBND tỉnh thống nhất chủ trương thực hiện dự án tại Công văn số 2875/UBND-NNTN ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh	9.128					9.128	Công trình chuyên tiếp
5	Trụ sở phòng cháy, chữa cháy huyện Lý Sơn	0,25	Xã An Hải	Tờ bản đồ: 23	QĐ số: 942/UBND-NC V/v đồng ý vị trí để xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm PCCC khu vực III (01/10/2014)							Công trình mới
6	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước huyện Lý Sơn	0,17	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ: 23, 24	CV số: 1733/KHNN-TVQT ngày 16/7/2015 của Kho bạc nhà nước về việc thông báo dự kiến thu, chi ngân sách năm 2016.	6.800	6.800					Công trình chuyên tiếp
7	Nhà làm việc, cầu tàu cho tàu tuần tra cao tốc tại đảo Lý Sơn (Hải quan)	0,07	Xã An Hải	Tờ bản đồ: 23	QĐ số: 1920/QĐ-TCHQ ngày 09/7/2015 của Tổng Cục hải quan về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2015	500	500					Công trình chuyên tiếp
8	Khu chế biến và ủ men tỏi đen	0,20	Xã An Hải	Tờ bản đồ số 25	Thông báo số: 13/TB-HU ngày 13/11/2015 kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy tại cuộc họp Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 09/11/2015							Công trình mới

9	Khu du lịch, thương mại dịch vụ Saigontourist Lý Sơn	2,80	Xã An Hải	Tờ bản đồ số 8, 15	Công văn số: 4936/UBND-VX ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận chủ trương nghiên cứu lập phương án đầu tư										Công trình mới
10	Khu thương mại, dịch vụ ẩm thực Lý Sơn (Trước trường PTTH Lý Sơn)	0,45	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 26, 27	QĐ số: 212/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu trung tâm huyện Lý Sơn - tỉ lệ 1/2000										Công trình mới
11	Xây dựng nhà hàng, khách sạn tại xã An Vĩnh	0,42	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 27	UBND tỉnh thống nhất chủ trương thực hiện dự án tại Công văn số 2875/UBND-NNTN ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh										Công trình chuyên nghiệp
12	Trung tâm phân phối và cửa hàng trưng bày sản phẩm sữa Vinamilk	0,07	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 26	UBND tỉnh thống nhất chủ trương thực hiện dự án tại Công văn số 2875/UBND-NNTN ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh										Công trình chuyên nghiệp
13	Đất ở tại nông thôn (chuyên mục đích đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã An Vĩnh)	0,50	Xã An Vĩnh	Trên địa bàn xã											Công trình mới
14	Đất ở tại nông thôn (chuyên mục đích đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã An Hải)	0,50	Xã An Hải	Trên địa bàn xã											Công trình mới
15	Đất ở tại nông thôn (chuyên mục đích đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã An Bình)	0,10	Xã An Bình	Trên địa bàn xã											Công trình mới
Tổng cộng		6,22				16.428	7.300							9.128	*

LawSoft *
 Tel: 84-8-3990 3279
 www.ThePhapLuat.vn

DANH MỤC LOẠI BỎ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CỦA NĂM 2016 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017 THEO C KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CỦA HUYỆN LÝ SON

(Kèm theo Quyết định của UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Kho dự trữ xăng dầu Hòn Tai	0,25	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ: 9, 10								
Tổng cộng		0,25										

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.Vietu